

Bản án số: 158/2020/HS-PT

Ngày: 17/6/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Phước Tự.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Ông Nguyễn Văn Vững

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Huỳnh Thúy Kiều – Thư ký  
Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: ông  
Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp,  
xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 107/2020/HSPT ngày 14 tháng 4 năm  
2020 đối với các bị cáo Trần Văn X; Nguyễn Chân T; Mai Long H; Cao Phước  
T1; Huỳnh Nhật T2, do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại Hoàng Thị X1,  
Nguyễn Thành T3 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2020/HS-ST ngày 03  
tháng 03 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn X (tên gọi khác Đ) sinh năm: 1985, tại Đồng  
Tháp; nơi cư trú tại: Tổ 16, Ấp 3, xã TN, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề  
nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn  
giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Đ (chết) và con bà: Võ  
Thị N (chết); Gia đình có 08 anh chị em bị cáo là con thứ 6; vợ: Lê Thị Thanh  
T4, sinh năm 1984; Có 03 người con, lớn nhất là 2005 nhỏ nhất sinh năm 2014;  
tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giam: 18/9/2019, hiện đang bị tạm  
giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Chân T (tên gọi khác: không) sinh năm: 1994, tại  
Đồng Tháp; nơi cư trú tại: Tổ 20, Ấp 3, xã TN, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề  
nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn  
giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T5, sinh năm: 1947 và  
con bà: Phan Thị K (chết); Gia đình có 08 anh chị em bị cáo là con nhỏ nhất;  
Vợ: Lê Thị Kim Q, sinh năm 1994; Có 01 người con, sinh năm 2018; tiền sự:  
không; tiền án: không; bị bắt tạm giam: 18/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại trại  
tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

3. Họ và tên: Mai Long H (tên gọi khác: không) sinh năm: 1997, tại Đồng Tháp; nơi cư trú tại: Tổ 01, Ấp ĐB, xã HA, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Tài xế xe cơ giới; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Văn H1 (không rõ năm sinh) và con bà: Hồ Thị Mai T6, sinh năm 1977; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt theo lệnh truy nã ngày: 28/10/2019, Tạm giam 31/10/2019, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

4. Họ và tên: Cao Phước T1 (tên gọi khác: TL) sinh năm: 1997, tại Đồng Tháp; nơi cư trú tại: Tổ 14, khóm MP, phường MP, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Thanh T7, sinh năm 1977 và con bà: Nguyễn Thị Bích T8, sinh năm: 1979; Gia đình có 02 anh, em bị cáo là con lớn; Vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: Ngày 17/10/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/10/2018 chưa được xóa án tích; Nhân thân: Ngày 24/12/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù 12/06/2016, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

5. Họ và tên: Huỳnh Nhật T2 (tên gọi khác: không) sinh năm 2001, tại Đồng Tháp; nơi cư trú tại: Tổ 4, ấp TD, xã T9, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Siêu N1, sinh năm: 1974 và con bà: Bùi Thị H2, sinh năm: 1978; gia đình có 03 anh em bị cáo là con lớn nhất; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: Không; tạm giam ngày 18/09/2019, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

Bị hại:

1. Nguyễn Thành T3, sinh năm 1978, (vắng mặt).

2. Hoàng Thị X1, sinh năm 1983, (có mặt).

Cùng địa chỉ: 753, Ấp 3, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Vụ án không bị Viện kiểm sát kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2019 Nguyễn Thành T3 nhận tiền đặt cọc mua bán lúa của Trần Văn X là 70.000.000đ và tiền mượn là 230.000.000đ, tổng cộng 02 khoảng là 300.000.000đ, T3 hẹn một tháng trả, nhưng vì buôn bán thua lỗ nên T3 không trả và bị X đòi nợ nhiều lần. T3 không dám gặp X mà cố tình lẩn tránh, vì bức

tức nên X nói lại chuyện này cho Nguyễn Chân T là cháu vợ X biết và cả hai thống nhất tìm cách bắt giữ anh T3 để đòi nợ.

Để thực hiện Nguyễn Chân T giới thiệu nhóm bạn của T gồm Mai Long H, Cao Phước T1 và Huỳnh Nhật T2 cho X biết, địa điểm gặp nhau tại một quán cà phê ở thành phố C, khi gặp nhau T và X nói cho H, T1, T2 biết sự việc anh T3 thiếu nợ cố tình lánh mặt và yêu cầu nhóm H tìm anh T3 bắt giữ, sau đó báo cho T và X đến giải quyết nợ, tiền công là một châu nhậu miễn phí. Chiều ngày 14/5/2019 T và H gặp nhau tại đám giỗ nhà người quen, T nhắc H sự việc của X, đồng thời cung cấp thông tin cho H biết, là anh T3 quen một người bạn tên H3 làm ở quán Karaoke 100 và gởi cho H hình ảnh T3, sau đó H gởi qua cho T2 để cả nhóm biết nhận dạng anh T3. Qua dò la tin tức từ bạn bè, H biết anh T3 đang ở thuê nhà trọ MC thuộc tổ 12, khóm 2, phường 4, thành phố C. Khoảng 09 giờ ngày 15/5/2019 H rủ T1 và T2 uống cà phê ngang đường vào nhà trọ MC, tại đây cả 03 bàn bạc việc canh bắt anh T3, nhưng không thấy anh T3 đâu. Đến khoảng 14 giờ H, T1, T2 cùng đi vào phòng trọ số 4, nhà trọ MC, thì phát hiện Anh T3 đang mặc quần cụt, áo thun trắng, đứng trước phòng nghe điện thoại, H hỏi phải phòng trọ chị H3 không, T3 trả lời không phải, H kêu T2 mở điện thoại ra xem hình và xác định đúng là anh T3 mà nhóm của H cần tìm, lúc này H kêu đúng nó rồi, T1 thì xông đến đẩy anh T3 vào bên trong phòng trọ số 4 đóng chốt cửa lại và dùng tay đánh vào mặt, đầu và người anh T3 tổng số là 03 cái, sau đó lấy kèm cắt móng tay đe dọa bắt anh T3 ngồi im tại chỗ, khi đó H điện thoại thông báo cho T biết là đã bắt giữ T3 ở phòng số 4, nhà trọ MC, đồng thời chỉ dẫn đường cho T đi đến nhà trọ, sau khi nghe điện thoại của H xong thì T điện thoại báo cho X biết để cùng đi.

Khoảng 30 phút sau thì X và T mỗi người một xe chạy đến phòng trọ số 4 nhà trọ MC, nhóm của H mở chốt cửa cho T và X vào phòng. T hỏi anh T3 chừng nào trả nợ, đồng thời dùng tay đánh nhiều cái vào miệng anh T3, làm cho miệng anh T3 chảy máu, ngoài ra T còn dùng chân đạp anh T3 ngã xuống nệm, X thì lấy con dao trong phòng để lên bàn đe dọa buộc anh T3 trả nợ và kêu H, T1 lục túi lấy tất cả các giấy tờ, điện thoại của anh T3 để vào một túi nylon đưa cho T2 cất giữ.

Sự việc diễn ra được khoảng 20 phút thì anh Lê Minh C1 chủ nhà trọ phát hiện lớn tiếng trong phòng trọ số 4, nên đến xem thì thấy cửa đóng ở trong và nghe tiếng của anh T3 van xin “Anh đừng đánh nữa” nghe vậy anh C1 yêu cầu có gì ra ngoài giải quyết, nếu không sẽ anh báo Công an. X và T nghe vậy mới yêu cầu nhóm của H đem anh T3 đi nơi khác để tiếp tục đòi nợ, cụ thể là T1 kè anh T3 ra đường, buộc anh T3 lên xe mô tô do T2 điều khiển, còn T1 ngồi sau ôm giữ anh T3, cả nhóm do H dẫn đường chạy về vườn xoài vắng ở xã HA và sau đó theo yêu cầu của T tiếp tục chở anh T3 ghé vào quán cà phê LĐQ thuộc tổ 10, ấp ĐB, xã HA. Tại đây T, T1, H dùng tay còn T2 dùng nón bảo hiểm đánh anh T3 đồng thời buộc anh T3 ngồi yên tại chỗ. X điện thoại cho chị Hoàng Thị X1 là vợ của anh T3, khi chị X1 bắt máy thì X đưa điện thoại cho anh T3 nói “Đem tiền cứu anh” vì đang bị nhóm của T bắt giữ, khi anh T3 nói xong thì X tắt máy. Biết vợ chồng anh T3 có chiếc SH biển số 66B1-388.90 đang do chị X1

quản lý nên T gọi điện thoại cho chị X1 nói: “Chồng bà đang bị bắt giữ ở đây nếu không trả nợ thì không xong, đồng thời đe dọa tính mạng anh T3”, ngoài ra T còn yêu cầu chị X1 giao xe SH mới thả anh T3 về, vì hoảng sợ nên chị X1 đồng ý giao xe với điều kiện phải chở anh T3 về nhà cho chị. T không đồng ý với đề nghị của chị X1 và tiếp tục dùng tay đánh anh T3 cố ý để cho chị X1 nghe, đồng thời buộc chị X1 phải đồng ý để một mình X lên nhà lấy xe.

Do bị ép buộc nên chị X1 đồng ý, X một mình chạy xe đến nhà chị X1 còn T, H, T1 và T2 ở lại giữ anh T3, trên đường đi X điện thoại cho Nguyễn Thanh T10 (tên thường gọi là TH) ngụ tổ 14, ấp 5, xã GG, huyện C đi cùng, mục đích là cho T10 xem xe, để T10 mua xe của chị X1 và số tiền mua trừ vào phần nợ 80.000.000đ mà X nợ T10 trước đó. Khi đến nơi X vào nhà xem xe và định giá là 100.000.000đ, đồng thời kêu chị X1 ký giấy tay bán xe cho T10, còn X viết giấy tay đã nhận của chị X1 100.000.000đ trừ vào tiền anh T3 nợ, sau đó X điện thoại cho T kêu trả điện thoại cùng giấy tờ tùy thân và trả tự do cho anh T3 lúc này là khoảng 18 giờ ngày 15/5/2019. Sau khi được thả anh T3 đến Công an Phường 4, thành phố C trình báo và nội dung vụ án đã được làm rõ như đã nêu trên.

Về phía Nguyễn Thanh T10 sau khi mua xe của chị X1 xong, T10 nhờ chị X1 làm thủ tục sang tên cho T10 nhưng chị X1 không đồng ý, nên T10 đã mang xe đến nhà X trả, X đã quản lý xe cho đến khi cơ quan chức năng đến thu giữ X mới giao nộp làm vật chứng trong vụ án.

Tại kết luận Giám định số 169/TgT ngày 30/5/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận: anh Nguyễn Thành T3 bị chấn thương phần mềm vùng đầu, mặt, miệng, lưng, tay, sọng mũi do vật tày tác động, hiện không thấy dấu vết thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 00%

Tại kết luận định giá tài sản số 120/KL-ĐGTS ngày 15/8/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố C kết luận: Xe mô tô Honda SH của chị X1 có giá là 70.000.000đ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2020/HS-ST ngày 03/03/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn X, Nguyễn Chân T, Mai Long H, Cao Phước T1 và Huỳnh Nhật T2 phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”

1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn X 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 18/9/2019.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo

Nguyễn Chân T 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 18/9/2019.

3. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Long H 01 (một) năm 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 04 năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 28/10/2019.

4. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Phước T1 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 18/9/2019.

5. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Nhật T2 01 (một) năm 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 02 (hai) năm, 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 18/9/2019.

Về trách nhiệm dân sự các bị cáo và người bị hại thỏa thuận xong không yêu cầu gì thêm nên án sơ thẩm không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, bị cáo Huỳnh Nhật T2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù đối với tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và kêu oan đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” với lý do án sơ thẩm tuyên xử nặng, đồng thời bị cáo không có trực tiếp cưỡng đoạt tài sản của bị hại.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 bị hại Hoàng Thị X1 kháng cáo xin giảm nhẹ cho 05 bị cáo trong vụ án, Nguyễn Thành T3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn X và Nguyễn Chân T lý do án sơ thẩm xử nặng và trong vụ án cũng có phần lỗi của bị hại do nợ tiền mà không trả cho bị cáo X.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 bị cáo Trần Văn X kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, lý do mới phạm tội lần đầu, thiếu hiểu biết pháp luật, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020 bị cáo Mai Long H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, lý do thiếu hiểu biết, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020 Nguyễn Chân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, lý do thiếu hiểu biết pháp luật nên phạm tội.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 Cao Phước T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, lý do gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn X, Nguyễn Chân T, Mai Long H, Cao Phước T1 và bị hại Hoàng Thị X1, Nguyễn Thành T3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đối với Huỳnh Nhật T2 rút phần kháng cáo kêu oan, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cho rằng cấp sơ thẩm kết tội các bị cáo là có căn cứ. Mức hình phạt 05 năm tù mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Trần Văn X; 05 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Chân T; 04 năm 03 tháng tù đối với Mai Long H; 05 năm tù đối với bị cáo Cao Phước T1; 04 năm tù đối với bị cáo Huỳnh Nhật T2 là tương xứng, đúng với tính chất cũng như mức độ, hậu quả mà hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Bị hại Hoàng Thị X1, Nguyễn Thành T3 xin giảm nhẹ hình phạt tù cho 05 bị cáo nhưng xét thấy do tính chất vụ án phạm tội có tổ chức, mức án xử phạt của cấp sơ thẩm là nhẹ nên không thể giảm nhẹ được. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cũng như bị hại. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 14/2020/HS-ST ngày 03/03/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Các bị cáo và bị hại không phát biểu tranh luận.

Nói lời sau cùng các bị cáo Trần Văn X, Nguyễn Chân T, Mai Long H, Cao Phước T1, Huỳnh Nhật T2 yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo, để sớm hòa nhập cộng đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Huỳnh Nhật T2 thừa nhận đã thực hiện hành vi bắt giữ và chở anh T3 từ nhà trọ MC đến quán cà phê LĐQ, đồng thời bị cáo còn dùng nón bảo hiểm đánh anh T3, bị cáo T2 đã cùng với các bị cáo T, H, T1 giữ anh T3 để cho X đi đến nhà Hoàng Thị X1 chiếm đoạt xe SH trừ nợ, thực tế khi đã chiếm đoạt xe xong bị cáo X điện cho H và T2 biết để trả tự do cho anh T3. Lời nhận tội của T2 phù hợp với lời khai của Trần Văn X, Nguyễn Chân T, Mai Long H, Cao Phước T1 và các lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cũng như lời khai của các bị hại,

cho nên cấp sơ thẩm kết tội các bị cáo phạm vào 02 tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ. Mức hình phạt 05 năm tù mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Trần Văn X; 05 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Chân T; 04 năm 03 tháng tù đối với Mai Long H; 05 năm tù đối với bị cáo Cao Phước T1; 04 năm tù đối với bị cáo Huỳnh Nhật T2 là đúng với tính chất và mức độ cũng như hậu quả tác hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cũng như nhân thân của các bị cáo trước đó, mức án trên đã phân hóa đúng với vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã áp dụng tất cả các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo đã được hưởng. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, nhưng không đưa ra tình tiết giảm nhẹ nào mới cho nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp Điều 355; 356 BLTTHS.

[2] Xét kháng cáo của các bị hại Hoàng Thị X1 xin giảm nhẹ cho cả 05 bị cáo trong vụ án và Nguyễn Thành T3 xin giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo Trần Văn X và bị cáo Nguyễn Chân T. Đây là những tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy rằng bị cáo X và Chân T là chủ mưu có vai trò người tổ chức, đồng thời cũng là người thực hiện, chịu trách nhiệm chính trong vụ án, còn Mai Long H, Cao Phước T1, Huỳnh Nhật T2 là những người thực hiện một cách tích cực, quyết liệt đến cùng. Bản chất của vụ án mang tính xã hội Đ, xem thường luật pháp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự ở địa phương, quần chúng nhân dân khiếp sợ và lên án, đáng lý ra mức án phải nghiêm khắc hơn. Tuy nhiên do tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa cũng như việc phạm tội của các bị cáo cũng có phần lỗi của bị hại, cho nên mức án của cấp sơ thẩm xử phạt đối với 05 bị cáo là thỏa đáng không thể giảm nhẹ hơn được nữa. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Hoàng Thị X1 và Nguyễn Thành T3 xin giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo Trần Văn X, Nguyễn Chân T, Mai Long H, Cao Phước T1 và Huỳnh Nhật T2 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của các bị cáo và các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì mức án tuyên tương xứng với tính chất, mức độ, cũng như hậu quả tác hại mà hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được áp dụng đầy đủ, tại phiên tòa phúc thẩm có tình tiết mới là người bị hại yêu cầu xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo Trần Văn X và Nguyễn Chân T, Mai Long H, Cao Phước T1, Huỳnh Nhật T2 tuy nhiên xét thấy mức án sơ thẩm tuyên xử là có phần nhẹ đối với 05 bị cáo cho nên không thể giảm nhẹ hơn được nữa. Vì vậy, Viện kiểm sát đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm, xét thấy đề nghị này phù hợp quan điểm của HĐXX nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của các bị cáo Trần Văn X, Nguyễn Chân T, Mai Long H, Cao Phước T1 và Huỳnh Nhật T2; Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Hoàng Thị X1 và Nguyễn Thành T3 xin giảm nhẹ hình phạt tù cho cả 05 bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 14/2020/HS-ST ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn X, Nguyễn Chân T, Mai Long H, Cao Phước T1 và Huỳnh Nhật T2 phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn X 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Trần Văn X phải chấp hành là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 18/9/2019.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chân T 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 18/9/2019.

3. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Long H 01 (một) năm 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 28/10/2019.

4. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Phước T1 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 18/9/2019.

5. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Nhật T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội



“Bắt, giữ người trái pháp luật” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 18/9/2019.

**6. Về án phí:**

Bị cáo Trần Văn X, Nguyễn Chân T, Mai Long H, Cao Phước T1 và Huỳnh Nhật T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

**7. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC (Vụ GD-KT1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Cơ quan CSĐT CA thành phố C;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Phước Tự**